

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP TCCN
KHÓA 7 (2015 - 2017)

TT	MSSV	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	ĐTB	Xếp loại
1	340932147	Nguyễn Văn	Cỏi	15/03/1979	Nam	DD	8.5	Giỏi
2	152069976	Lê Văn	Cừ	10/02/1991	Nam	DD	7.9	Khá
3	152069975	Lê Hùng	Cường	09/05/1995	Nam	DD	7.7	Khá
4	23299431	Nguyễn Ngọc	Hân	08/06/1984	Nữ	DD	8.2	Giỏi
5	23682197	Phạm Thị Mỹ	Liều	15/02/1983	Nữ	DD	8.4	Giỏi
6	152069990	Lê Hồng Minh	Ngọc	04/11/1987	Nữ	DD	7.8	Khá
7	22677377	Vũ Thị Minh	Nguyệt	20/01/1972	Nữ	DD	8.3	Giỏi
8	25928162	Nguyễn Trần Minh	Nhật	22/10/1997	Nam	DD	7.2	Khá
9	153069980	Mai Trần Lệ	Oanh	31/01/1985	Nữ	DD	7.9	Khá
10	152069960	Trần Thị	Quyên	02/12/1995	Nữ	DD	8.0	Giỏi
11	49171000021	Đỗ Thị Tâm	Thanh	09/04/1971	Nữ	DD	7.4	Khá
12	162061582	Trương Lệ	Thu	06/08/1972	Nữ	DD	7.7	Khá
13	152069962	Phan Thị	Thủy	15/10/1990	Nữ	DD	8.1	Giỏi
14	248939432	Bùi Hoàng	Tuấn	13/03/1993	Nam	DD	8.3	Giỏi
15	152069959	Nguyễn Thị	Vân	01/01/1993	Nữ	DD	8.3	Giỏi
16	272671367	Trần Ý	Anh	24/09/1985	Nữ	Dược sĩ	6.7	Trung bình khá
17	152059371	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/02/1983	Nữ	Dược sĩ	7.3	Khá
18	152059985	Lê Thị Kim	Chi	17/08/1985	Nữ	Dược sĩ	8.1	Giỏi
19	273406941	Lâm Thành	Danh	08/05/1992	Nam	Dược sĩ	6.7	Trung bình khá
20	26038125	Nguyễn Thị	Đức	05/06/1990	Nữ	Dược sĩ	8.3	Giỏi
21	24017460	Lê Tiến	Dũng	04/05/1964	Nam	Dược sĩ	8.1	Giỏi
22	152059420	Trần Thị Thu	Hà	07/11/1981	Nữ	Dược sĩ	8.1	Giỏi
23	152059990	Hà Thị Doãn	Hằng	17/01/1989	Nữ	Dược sĩ	8.3	Giỏi
24	152059412	Nguyễn Thị Phước	Hậu	17/09/1987	Nữ	Dược sĩ	7.7	Khá
25	215384327	Dương Nguyễn Thị Mỹ	Hương	12/06/1992	Nữ	Dược sĩ	6.2	Trung bình khá
26	152059411	Trần Vũ Hoài	Hương	01/01/1982	Nữ	Dược sĩ	7.7	Khá
27	191391124	Nguyễn Văn	Khoa	22/11/1978	Nam	Dược sĩ	8.1	Giỏi
28	25081230	Đông Thị	Kim	07/01/1973	Nữ	Dược sĩ	7.1	Khá
29	24891331	Nguyễn Thành	Nam	30/09/1985	Nam	Dược sĩ	6.8	Trung bình khá
30	25704254	Tào Hằng	Nga	09/05/1994	Nữ	Dược sĩ	8.5	Giỏi
31	121057603	Nguyễn Thị Kim	Ngà	27/01/1990	Nữ	Dược sĩ	6.1	Trung bình khá
32	191802024	Lê Thị Hồng	Nhiên	02/09/1993	Nữ	Dược sĩ	8.2	Giỏi
33	191703131	Mai Thị	Nở	20/05/1989	Nữ	Dược sĩ	7.3	Khá
34	1520510006	Lưu Tiến	Phương	10/08/1981	Nam	Dược sĩ	7.8	Khá

TT	MSSV	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	ĐTB	Xếp loại
35	192049162	Phạm Phước	Son	02/02/1997	Nam	Dược sĩ	6.6	Trung bình khá
36	24839069	Nguyễn Thị Thu	Tâm	05/12/1974	Nữ	Dược sĩ	7.1	Khá
37	205499347	Nguyễn Thị Thu	Thắm	06/06/1992	Nữ	Dược sĩ	6.7	Trung bình khá
38	121063070	Trần Thị Thanh	Thanh	11/03/1993	Nữ	Dược sĩ	7.3	Khá
39	152069957	Lê Thị Bích	Thảo	05/03/1983	Nữ	Dược sĩ	6.7	Trung bình khá
40	152059983	Trương Văn	Thịnh	01/10/1958	Nam	Dược sĩ	7.8	Khá
41	261306147	Lê Thị Ngọc	Thu	01/11/1993	Nữ	Dược sĩ	8.2	Giỏi
42	152059989	Nguyễn Thị Kim	Thư	26/12/1988	Nữ	Dược sĩ	8.2	Giỏi
43	24273632	Bùi Bảo	Trân	26/12/1987	Nữ	Dược sĩ	6.7	Trung bình khá
44	152059380	Đoàn Thanh	Trúc	15/06/1963	Nam	Dược sĩ	8.3	Giỏi
45	152059993	Hồ Minh	Vỹ	24/01/1991	Nam	Dược sĩ	8.3	Giỏi
46	152169972	Võ Thị Hồng	Diệp	15/04/1986	Nữ	Xét nghiệm	8.1	Giỏi
47	152169974	Nguyễn Kim	Dung	28/02/1987	Nữ	Xét nghiệm	8.5	Giỏi
48	25412929	Vũ Thị Ngọc	Hằng	20/05/1985	Nữ	Xét nghiệm	8.1	Giỏi
49	152169963	Dương Thị Hồng	Hoa	25/03/1976	Nữ	Xét nghiệm	8.5	Giỏi
50	152169969	Lưu Hữu	Hoàng	18/07/1987	Nam	Xét nghiệm	9.0	Xuất sắc
51	311976537	Lê Ngọc Quế	Hương	1988	Nữ	Xét nghiệm	8.2	Giỏi
52	261207498	Hồ Quốc	Huy	24/09/1991	Nam	Xét nghiệm	7.6	Khá
53	152169962	Nguyễn	Khang	24/01/1984	Nam	Xét nghiệm	8.6	Giỏi
54	152169965	Nguyễn Thị Diệu	Linh	13/02/1984	Nữ	Xét nghiệm	8.4	Giỏi
55	152169966	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/02/1984	Nữ	Xét nghiệm	8.8	Giỏi
56	152169968	Nguyễn Thị Phương	Linh	17/05/1993	Nữ	Xét nghiệm	8.5	Giỏi
57	152169958	Nguyễn Thị Thúy	Loan	31/05/1980	Nữ	Xét nghiệm	7.0	Khá
58	371614188	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	25/10/1992	Nữ	Xét nghiệm	8.5	Giỏi
59	152169964	Bùi Trọng	Nhân	18/10/1988	Nam	Xét nghiệm	9.1	Xuất sắc
60	22682798	Khương Văn	Phúc	29/10/1973	Nam	Xét nghiệm	9.2	Xuất sắc
61	152169971	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	01/01/1989	Nữ	Xét nghiệm	8.3	Giỏi
62	152169955	Phạm Huệ	Thanh	10/08/1983	Nữ	Xét nghiệm	7.0	Khá
63	301218060	Phan Thị Ngọc	Triều	10/06/1986	Nữ	Xét nghiệm	8.0	Giỏi
64	173528138	Lê Kim	Triều	03/07/1989	Nam	Xét nghiệm	8.1	Giỏi
65	321451633	Nguyễn Duy Khánh	Trình	03/03/1993	Nam	Xét nghiệm	8.1	Giỏi
66	152169967	Lê Thị Thanh	Vân	30/08/1987	Nữ	Xét nghiệm	8.7	Giỏi
67	172710864	Hoàng Thị	Vân	19/01/1986	Nữ	Xét nghiệm	8.8	Giỏi
68	152059409	Trần Thúy	Ái	25/06/1990	Nữ	Y sỹ	7.6	Khá
69	230961797	Võ Thị Ngọc	Bích	19/02/1994	Nữ	Y sỹ	7.1	Khá
70	142079276	Lữ Thị Hồng	Cầm	16/04/1991	Nữ	Y sỹ	8.3	Giỏi
71	152079947	Đỗ Phương	Chuyển	1990	Nam	Y sỹ	7.1	Khá
72	152079962	Nguyễn Phú	Cường	10/11/1978	Nam	Y sỹ	7.9	Khá
73	1520710004	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	04/10/1990	Nữ	Y sỹ	7.7	Khá
74	261346266	Huỳnh Thị Thùy	Dương	02/08/1994	Nữ	Y sỹ	7.1	Khá

TT	MSSV	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	ĐTB	Xếp loại
75	152079964	Nguyễn Hoàng	Duy	15/02/1988	Nam	Y sỹ	7.2	Khá
76	141080851	Trần Quốc	Đông	24/07/1996	Nam	Y sỹ	6.1	Trung bình khá
77	212362982	Ngô Đăng Ánh	Giang	15/08/1994	Nữ	Y sỹ	7.3	Khá
78	23706506	Lâm Ngọc	Hà	04/10/1984	Nữ	Y sỹ	7.5	Khá
79	272353737	Đinh Thị Nguyệt	Hà	27/06/1995	Nữ	Y sỹ	6.7	Trung bình khá
80	341591777	Võ Thị Thúy	Hằng	13/03/1993	Nữ	Y sỹ	7.2	Khá
81	215101205	Phạm Xuân	Hào	06/03/1991	Nam	Y sỹ	7.9	Khá
82	152069977	Phạm Thị Mỹ	Hoa	01/10/1995	Nữ	Y sỹ	7.2	Khá
83	1530710001	Đàm Đức	Hoàng	02/04/1987	Nam	Y sỹ	7.4	Khá
84	320947882	Nguyễn Văn	Hướng	02/03/1979	Nam	Y sỹ	7.4	Khá
85	152079969	Nguyễn Thị	Huyền	09/11/1980	Nữ	Y sỹ	7.2	Khá
86	25907289	Trần Ngọc	Lưu	05/03/1982	Nữ	Y sỹ	6.8	Khá
87	1520710005	Trần Thị Châu	Mỹ	05/06/1988	Nữ	Y sỹ	7.2	Khá
88	273403685	Lê Đình Thanh	Nam	20/06/1992	Nam	Y sỹ	6.9	Trung bình khá
89	321497545	Trần Thị Thu	Ngân	01/12/1994	Nữ	Y sỹ	7.9	Khá
90	1520710000	Phan Kiều	Nhi	04/05/1993	Nữ	Y sỹ	7.5	Khá
91	24913671	Trịnh Thị	Nhung	15/05/1986	Nữ	Y sỹ	7.7	Khá
92	25258972	Trương Huyền	Nữ	21/05/1994	Nữ	Y sỹ	6.8	Trung bình khá
93	153079994	Phạm Văn	Sang	09/06/1989	Nam	Y sỹ	6.3	Trung bình khá
94	153079967	Phạm Văn	Sỹ	29/05/1985	Nam	Y sỹ	7.0	Khá
95	311657338	Nguyễn Minh	Tâm	15/04/1981	Nam	Y sỹ	7.8	Khá
96	153079972	Lê Thụy Hồng	Thắm	20/02/1984	Nữ	Y sỹ	7.3	Khá
97	301219476	Phạm Hữu	Thành	04/02/1987	Nam	Y sỹ	7.6	Khá
98	205109653	Nguyễn Hồng	Thanh	28/09/1982	Nam	Y sỹ	7.4	Khá
99	152079970	Nguyễn Lê Quý	Thảo	28/05/1992	Nữ	Y sỹ	7.1	Khá
100	153079993	Trần Thuận	Thiên	28/09/1991	Nam	Y sỹ	7.7	Khá
101	152079988	Phạm Thị Thuý	Tiên	05/06/1988	Nữ	Y sỹ	7.2	Khá
102	153079990	Danh	Tiểu	1990	Nam	Y sỹ	7.0	Khá
103	141180913	Mã Thị Thúy	An	25/09/1997	Nữ	SPMN	7.2	Khá
104	251076412	Bùi Thị Kim	Chi	26/01/1997	Nữ	SPMN	7.1	Khá
105	261392580	Trần Thị Mỹ	Duyên	01/01/1997	Nữ	SPMN	8.2	Giỏi
106	152189995	Nguyễn Thanh	Hà	11/11/1997	Nữ	SPMN	6.4	Trung bình khá
107	241073206	Nguyễn Thị	Hoài	10/09/1990	Nữ	SPMN	7.5	Khá
108	153188874	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	30/08/1996	Nữ	SPMN	7.7	Khá
109	25034902	Ngô Thị Bích	Lợi	05/02/1979	Nữ	SPMN	7.7	Khá
110	281164360	Lê Thị	Mai	17/07/1996	Nữ	SPMN	7.2	Khá
111	191810754	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	18/02/1994	Nữ	SPMN	7.3	Khá
112	173390862	Lê Thị	Phấn	02/08/1989	Nữ	SPMN	7.5	Khá
113	251019872	Đinh Thị Cúc	Phương	02/12/1996	Nữ	SPMN	7.3	Khá
114	25458839	Nguyễn Thị Kim	Phượng	12/09/1987	Nữ	SPMN	8.8	Giỏi
115	251021397	Lý Thị	Phượng	02/11/1996	Nữ	SPMN	6.9	Trung bình khá

TT	MSSV	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	ĐTB	Xếp loại
116	371679133	Nguyễn Thị Hải	Quyền	12/04/1996	Nữ	SPMN	6.6	Trung bình khá
117	131182369	Võ Thị Trúc	Quỳnh	10/05/1994	Nữ	SPMN	7.7	Khá
118	153188883	Thiều Nguyễn Ngọc	Quỳnh	16/06/1996	Nữ	SPMN	7.4	Khá
119	261393775	Nguyễn Thị	Oanh	20/08/1997	Nữ	SPMN	7.5	Khá
120	241660453	Đào Thị Thanh	Thảo	24/06/1996	Nữ	SPMN	7.4	Khá
121	250933584	Hoàng Thị	Thu	02/03/1992	Nữ	SPMN	7.6	Khá
122	261379742	Trương Thị Hoài	Thương	27/01/1996	Nữ	SPMN	8.0	Giỏi
123	24982682	Phan Thị Thanh	Thúy	05/12/1993	Nữ	SPMN	8.0	Giỏi
124	25636519	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/12/1995	Nữ	SPMN	7.1	Khá
125	25741271	Phan Thị Ngọc	Tuyền	03/12/1997	Nữ	SPMN	7.2	Khá
126	312028785	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	18/06/1989	Nữ	SPMN	8.4	Giỏi
127	1511810004	Trần Như Ngọc	Tuyền	01/10/1995	Nữ	SPMN	7.3	Khá
128	151189973	Đỗ Ngọc	Uyên	24/10/1992	Nữ	SPMN	7.2	Khá
129	273578099	Đặng Thị Tố	Uyên	25/08/1996	Nữ	SPMN	7.6	Trung bình khá
130	141061263	Diệp Hồng	Vinh	04/04/1996	Nữ	SPMN	6.8	Trung bình khá
131	212718343	Vương Thị Phi	Yến	29/09/1997	Nữ	SPMN	7.2	Khá
132	121076696	Trần Thị Trang	Linh	13/11/1995	Nữ	Y sĩ	7.2	Khá
133	184176358	Trần Thị	Thao	07/04/1993	Nữ	SPMN	7.7	Khá
134	131051192	Trương Thị Thu	Hà	12/10/1996	Nữ	Dược sĩ	7	Khá
135	321702283	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/07/1997	Nữ	SPMN	7.8	Khá
136	261500169	Trịnh Thị	Hiếu	18/04/1997	Nữ	SPMN	7,4	Khá
137	151188845	Danh Thị Thu	Hương	05/05/1996	Nữ	SPMN	7,2	Khá
138	251023213	Nguyễn Thị	Hương	22/08/1995	Nữ	SPMN	7,9	Khá
139	153019836	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	02/04/1993	Nữ	Kế toán DN	7,7	Khá
140	215336462	Đoàn Thị Yến	Qua	26/07/1996	Nữ	Y sỹ	7,1	Khá
141	131052640	Phan Đức	Sơn	23/01/1985	Nam	Dược sĩ	5,7	Trung bình
142	291153869	Cao Thị Hồng	Thắm	08/12/1997	Nữ	Y sỹ	7,4	Khá
143	301558273	Nguyễn Thu	Thảo	10/10/1996	Nữ	SPMN	7,3	Khá
144	241700445	Hồ Ngọc	Trâm	20/05/1997	Nữ	Dược sĩ	6,4	Trung bình khá
145	312406206	Lê Lam	Trường	11/02/1997	Nam	Y sỹ	6,9	Trung bình khá
146	245029865	Trần Thị	Hạt	29/07/1989	Nữ	SPMN	7,3	Khá
147	1511810013	Vũ Thị	Hoa	22/02/1995	Nữ	SPMN	7,7	Khá
148	141060859	Võ Thị Thanh	Ngọc	13/10/1989	Nữ	DD	7.9	Khá
149	121052433	Hồ Thị Thanh	Hồng	18/05/1993	Nữ	DS	5.9	Trung Bình
150	141051758	Phạm Công	Minh	23/01/1993	Nam	DS	6.2	Trung bình khá
151	121058806	Trương Xuân	Nhi	29/05/1994	Nữ	DS	6.9	Trung Bình
152	291100898	Ngô Dư	Sang	19/01/1995	Nam	DS	6.8	Trung bình khá
153	111056508	Hà Thị Phương	Thúy	24/12/1991	Nữ	DS	7	Khá

TT	MSSV	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	ĐTB	Xếp loại
154	141181569	Đặng Thị	Anh	22/05/1995	Nữ	SPMN	7.3	Khá
155	131182369	Võ Thị Trúc	Quỳnh	10/05/1994	Nữ	SPMN	7.7	Khá
156	141181692	Trương Thị Kim	Tiến	10/11/1995	Nữ	SPMN	7.5	Khá
157	152169964	Bùi Trọng	Nhân	18/10/1988	Nam	XN	9.1	Xuất sắc
158	142161694	Trần Thị	Thần	28/03/1989	Nữ	XN	7.8	Khá
159	152169967	Lê Thị Thanh	Vân	30/08/1987	Nữ	XN	8.7	Giỏi
160	141070621	Lê Hồng	Dũng	15/11/1988	Nam	Y sỹ	6.3	Trung bình khá
161	141070169	Nguyễn Quốc	Huy	30/11/1986	Nam	Y sỹ	7.1	Khá
162	121076696	Trần Thị Trang	Linh	13/11/1995	Nữ	Y sỹ	7.2	Khá
163	141070202	Trần Tuyết Mộng	Trân	20/04/1980	Nữ	Y sỹ	7	Khá

(danh sách gồm có 163 học sinh)